BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC KHOA CNTT MỞ TRONG HK2
NĂM HỌC 2020 - 2021

STT	Mã lớp học phần	Tên môn học	Lớp dự kiến	Qui định	Khoa chủ quản môn học	Giảng viên	Ghi chú
1	010107156101	An ninh mạng	18DTH3A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Văn Thành	
2	010107382701	An toàn thông tin	19DTH1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Vương Xuân Chí	
3	010107382702	An toàn thông tin	19DTH1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Vương Xuân Chí	
4	010107382703	An toàn thông tin	19DTH1C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Phong Dung	
5	010107382704	An toàn thông tin	19DTH1D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Phong Dung	
6	010107382705	An toàn thông tin	19DTH2A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Phong Dung	
7	010107382706	An toàn thông tin	19DTH2B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Văn Thành	
8	010107382707	An toàn thông tin	19DTH3A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Văn Thành	
9	010107154201	Bảo đảm chất lượng phần mềm	18DTH1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Xuân Cường	
10	010107154202	Bảo đảm chất lượng phần mềm	18DTH1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Xuân Cường	
11	010107154203	Bảo đảm chất lượng phần mềm	18DTH1C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Xuân Cường	
12	010107154204	Bảo đảm chất lượng phần mềm	18DTH1D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Xuân Cường	
13	010107154205	Bảo đảm chất lượng phần mềm	18DTH2A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Xuân Cường	

14	010107154206	Bảo đảm chất lượng phần mềm	18DTH2B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Xuân Cường	
15	010107382801	Chuyên đề chuyên sâu KTMT 1	18DTH3A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Văn Thành	
16	010107382901	Chuyên đề chuyên sâu KTMT 2	18DTH3A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Vương Xuân Chí	
17	010107383001	Chuyên đề chuyên sâu KTPM 1	18DTH1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Trần Thị Hồng Yến	
18	010107383002	Chuyên đề chuyên sâu KTPM 1	18DTH1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Trần Thị Hồng Yến	
19	010107383003	Chuyên đề chuyên sâu KTPM 1	18DTH1C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Giang Hào Côn	
20	010107383004	Chuyên đề chuyên sâu KTPM 1	18DTH1D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Giang Hào Côn	
21	010107383005	Chuyên đề chuyên sâu KTPM 1	18DTH2A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Trần Thị Hồng Yến	
22	010107383006	Chuyên đề chuyên sâu KTPM 1	18DTH2B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Trần Thị Hồng Yến	
23	010107383101	Chuyên đề chuyên sâu KTPM 2	18DTH1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Quốc Trung	
24	010107383102	Chuyên đề chuyên sâu KTPM 2	18DTH1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Quốc Trung	
25	010107383103	Chuyên đề chuyên sâu KTPM 2	18DTH1C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Hồng	
26	010107383104	Chuyên đề chuyên sâu KTPM 2	18DTH1D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Hồng	
27	010107383105	Chuyên đề chuyên sâu KTPM 2	18DTH2A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Hồng	
28	010107383106	Chuyên đề chuyên sâu KTPM 2	18DTH2B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Quốc Trung	
29	010107041801	Cơ sở dữ liệu	20DTH1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Mậu Long, Thái Trúc Nhi	
30	010107041802	Cơ sở dữ liệu	20DTH1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Mậu Long, Thái Trúc Nhi	
31	010107041803	Cơ sở dữ liệu	20DTH1C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Mậu Long, Thái Trúc Nhi	

32	010107041804	Cơ sở dữ liệu	20DTH1D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Mậu Long, Thái Trúc Nhi	
33	010107041806	Cơ sở dữ liệu	20DTH2A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Mậu Long, Thái Trúc Nhi	
34	010107041805	Cơ sở dữ liệu	20DTH2B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Mậu Long, Thái Trúc Nhi	
35	010107154101	Cơ sở dữ liệu nâng cao	18DTH1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Phạm Văn Đăng	
36	010107154102	Cơ sở dữ liệu nâng cao	18DTH1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Phạm Văn Đăng	
37	010107154103	Cơ sở dữ liệu nâng cao	18DTH1C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Phạm Văn Đăng	
38	010107154104	Cơ sở dữ liệu nâng cao	18DTH1D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Phạm Văn Đăng	
39	010107154105	Cơ sở dữ liệu nâng cao	18DTH2A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Phạm Văn Đăng	
40	010107154106	Cơ sở dữ liệu nâng cao	18DTH2B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Phạm Văn Đăng	
41	010107007601	Công nghệ phần mềm nâng cao	18DTH1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Giang Hào Côn	
42	010107007602	Công nghệ phần mềm nâng cao	18DTH1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Giang Hào Côn	
43	010107007603	Công nghệ phần mềm nâng cao	18DTH1C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Giang Hào Côn	
44	010107007604	Công nghệ phần mềm nâng cao	18DTH1D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Giang Hào Côn	
45	010107007605	Công nghệ phần mềm nâng cao	18DTH2A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Quốc Trung	
46	010107007606	Công nghệ phần mềm nâng cao	18DTH2B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Quốc Trung	
47	010107155801	Điện toán đám mây	18DTH3A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Phong Dung	
48	010107299901	Đồ án chuyên ngành KTMT	17DTH1C	5->15	Khoa Công nghệ thông tin	Vương Xuân Chí	
49	010107299902	Đồ án chuyên ngành KTMT	17DTH1C	5->15	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Phong Dung	

50	010107299903	Đồ án chuyên ngành KTMT	17DTH1C	5->15	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Văn Thành	
51	010107154401	Đồ án chuyên ngành KTPM	17DTH1A	5->20	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Xuân Cường	
52	010107154402	Đồ án chuyên ngành KTPM	17DTH1A	5->20	Khoa Công nghệ thông tin	Giang Hào Côn	
53	010107154403	Đồ án chuyên ngành KTPM	17DTH1A	5->20	Khoa Công nghệ thông tin	Phạm Văn Đăng	
54	010107154404	Đồ án chuyên ngành KTPM	17DTH1B	5->20	Khoa Công nghệ thông tin	Trần Thị Hồng Yến	
55	010107154405	Đồ án chuyên ngành KTPM	17DTH1B	5->20	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Hồng	
56	010107154406	Đồ án chuyên ngành KTPM	17DTH1B	5->20	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Văn Hán	
57	010107004601	Kỹ thuật lập trình	20DTH1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Trần Đức Hiếu	
58	010107004602	Kỹ thuật lập trình	20DTH1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Trần Đức Hiếu	
59	010107004603	Kỹ thuật lập trình	20DTH1C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Văn Hán	
60	010107004604	Kỹ thuật lập trình	20DTH1D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Văn Hán	
61	010107004605	Kỹ thuật lập trình	20DTH2A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Mậu Long, Thái Trúc Nhi	
62	010107004606	Kỹ thuật lập trình	20DTH2B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Duy Tân, Lê Mậu Long	
63	010107204301	Lập trình nhúng	18DTH3A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Văn Thành	
64	010107010801	Lập trình Web	19DTH1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Duy Tân, Nguyễn Mai Huy	
65	010107010802	Lập trình Web	19DTH1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Duy Tân, Nguyễn Mai Huy	
66	010107010803	Lập trình Web	19DTH1C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Duy Tân, Nguyễn Mai Huy	
67	010107010804	Lập trình Web	19DTH1D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Duy Tân, Nguyễn Mai Huy	

68	010107010805	Lập trình Web	19DTH2A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Duy Tân, Nguyễn Mai Huy	
69	010107010806	Lập trình Web	19DTH2B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Duy Tân, Nguyễn Mai Huy	
70	010107010807	Lập trình Web	19DTH3A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Duy Tân, Nguyễn Mai Huy	
71	010107537001	Lý thuyết xác suất và thống kê	20DTMDT1A	10->20	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Hùng Vương	
72	010107011301	Mạng máy tính	19DTH1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Vương Xuân Chí	
73	010107011302	Mạng máy tính	19DTH1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Vương Xuân Chí	
74	010107011303	Mạng máy tính	19DTH1C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Phong Dung	
75	010107011304	Mạng máy tính	19DTH1D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Phong Dung	
76	010107011305	Mạng máy tính	19DTH2A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Vương Xuân Chí	
77	010107011306	Mạng máy tính	19DTH2B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Văn Thành	
78	010107011307	Mạng máy tính	19DTH3A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Văn Thành	
79	010107134001	Qui hoạch tuyến tính	19DTH1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Thị Nhẫn	
80	010107134002	Qui hoạch tuyến tính	19DTH1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Hùng Vương	
81	010107134003	Qui hoạch tuyến tính	19DTH1C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Hữu Nhân	
82	010107134004	Qui hoạch tuyến tính	19DTH1D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Thị Nhẫn	
83	010107134005	Qui hoạch tuyến tính	19DTH2A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Hữu Nhân	
84	010107134006	Qui hoạch tuyến tính	19DTH2B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lai Văn Phút	
85	010107134007	Qui hoạch tuyến tính	19DTH3A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Hùng Vương	

86	011007134001	Qui hoạch tuyến tính	20DMK1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Vũ Trường	
87	011007134002	Qui hoạch tuyến tính	20DMK1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Vũ Trường	
88	010107544701	Quy hoạch tuyến tính	20DLG1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Hùng Vương	
89	010107382601	Thực tập tốt nghiệp	17DTH1A	5->20	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Xuân Cường	
90	010107382602	Thực tập tốt nghiệp	17DTH1A	5->20	Khoa Công nghệ thông tin	Giang Hào Côn	
91	010107382603	Thực tập tốt nghiệp	17DTH1A	5->20	Khoa Công nghệ thông tin	Phạm Văn Đăng	
92	010107382604	Thực tập tốt nghiệp	17DTH1B	5->20	Khoa Công nghệ thông tin	Trần Thị Hồng Yến	
93	010107382605	Thực tập tốt nghiệp	17DTH1B	5->20	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Hồng	
94	010107382606	Thực tập tốt nghiệp	17DTH1B	5->20	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Văn Hán	
95	010107382607	Thực tập tốt nghiệp	17DTH1C	5->15	Khoa Công nghệ thông tin	Vương Xuân Chí	
96	010107382608	Thực tập tốt nghiệp	17DTH1C	5->15	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Phong Dung	
97	010107382609	Thực tập tốt nghiệp	17DTH1C	5->15	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Văn Thành	
98	010107382611	Thực tập tốt nghiệp	17DTH2A	5->20	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Mai Huy	
99	010100178601	Toán cao cấp A1	20DDT1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Công Nhựt	
100	010100178707	Toán cao cấp A2	20DCD1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Trần Trịnh Mạnh Dũng	
101	010100178722	Toán cao cấp A2	20DHH1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lai Văn Phút	
102	010100178720	Toán cao cấp A2	20DHT1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Trần Trịnh Mạnh Dũng	
103	010100178708	Toán cao cấp A2	20DOT1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Vũ Trường	

104	010100178709	Toán cao cấp A2	20DOT1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Trần Trịnh Mạnh Dũng	
105	010100178710	Toán cao cấp A2	20DOT1C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Công Nhựt	
106	010100178711	Toán cao cấp A2	20DOT1D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Công Nhựt	
107	010100178712	Toán cao cấp A2	20DOT2A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Công Nhựt	
108	010100178713	Toán cao cấp A2	20DOT2B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Công Nhựt	
109	010100178714	Toán cao cấp A2	20DOT2C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Hữu Nhân	
110	010100178715	Toán cao cấp A2	20DOT2D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Hữu Nhân	
111	010100178716	Toán cao cấp A2	20DOT3A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Hùng Vương	
112	010100178717	Toán cao cấp A2	20DOT3B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Hùng Vương	
113	010100178718	Toán cao cấp A2	20DOT3C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Hùng Vương	
114	010100178719	Toán cao cấp A2	20DOT3D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Bùi Hùng Vương	
115	010100178701	Toán cao cấp A2	20DTH1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Huế Tiên	
116	010100178702	Toán cao cấp A2	20DTH1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Huế Tiên	
117	010100178703	Toán cao cấp A2	20DTH1C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Huế Tiên	
118	010100178704	Toán cao cấp A2	20DTH1D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Huế Tiên	
119	010100178705	Toán cao cấp A2	20DTH2A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lai Văn Phút	
120	010100178706	Toán cao cấp A2	20DTH2B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lai Văn Phút	
121	011000178701	Toán cao cấp A2	20DTNMT1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lai Văn Phút	

122	010100178723	Toán cao cấp A2	20DTP1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lai Văn Phút	
123	010100178721	Toán cao cấp A2	20DVY1A	11->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Vũ Trường	
124	010100178724	Toán cao cấp A2	20DXD1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Huế Tiên	
125	010100178725	Toán cao cấp A2	20DXD1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Công Nhựt	
126	011007488701	Toán kinh tế	20DQT1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Thị Nhẫn	
127	011007488702	Toán kinh tế	20DQT1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Thị Nhẫn	
128	011007488703	Toán kinh tế	20DQT1C	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lai Văn Phút	
129	011007488704	Toán kinh tế	20DQT1D	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lai Văn Phút	
130	011007488705	Toán kinh tế	20DQT2A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lai Văn Phút	
131	011007488706	Toán kinh tế	20DQT2B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lai Văn Phút	
132	010100103003	Xác suất thống kê	19DHH1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Huế Tiên	
133	011700103001	Xác suất thống kê	19DVY1A	20->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Văn Hiếu	
134	010100103002	Xác suất thống kê	20DLG1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Huế Tiên	
135	011000103001	Xác suất thống kê	20DMK1A	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Vũ Trường	
136	011000103002	Xác suất thống kê	20DMK1B	30->60	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Vũ Trường	
137	010100103001	Xác suất thống kê	20DSH1A	30->50	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Huế Tiên	
138	012207024501	Xác suất thống kê y học	20DYK1A	30->100	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Vũ Trường	
139	012207024502	Xác suất thống kê y học	20DYK1B	30->100	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Công Nhựt	

140	012207024503	Xác suất thống kê y học	20DYK1C	30->100	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Vũ Trường	
141	012207024504	Xác suất thống kê y học	20DYK1D	30->100	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Công Nhựt	
142	012207024505	Xác suất thống kê y học	20DYK2A	30->100	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Hữu Nhân	
143	012207024506	Xác suất thống kê y học	20DYK2B	30->100	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Văn Hiếu	
144	012207024507	Xác suất thống kê y học	20DYK2C	30->100	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Hữu Nhân	
145	012207024508	Xác suất thống kê y học	20DYK2D	30->100	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Thị Mai Thanh	
146	012207024509	Xác suất thống kê y học	20DYK3A	30->100	Khoa Công nghệ thông tin	Lê Thị Mai Thanh	